CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP

Ngày 31/12/2024	7,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	68.1%	**14.5%**	**-1.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 9,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,966
Số lượng CPLH (CP)	248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,725
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.95)
EPS	-146
P/E	-54.0

DT thuần
Q4/24
1,668
tỷ VNĐ
QoQ: ▼70.0| -4.0%
YoY: ▲ 150| 9.9%

LN thuần
Q4/24
-7.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.15| 30.0%
YoY: ▲ 31.2| 80.9%

LN sau thuế
Q4/24
-7.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.39| 23.9%
YoY: ▲ 31.1| 80.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-0.5%
YoY: +/-▼ 0.5%

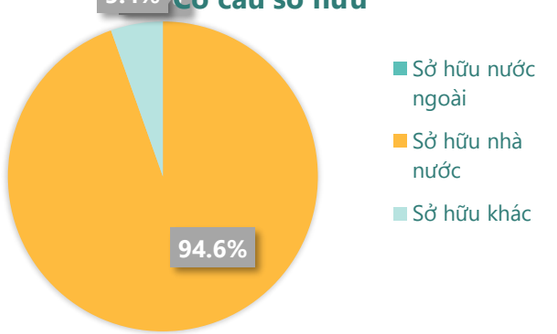
ROE
2024
-5.3%
YoY: +/-▼ 4.7%

DT thuần
2024
7,190
tỷ VNĐ
YoY: ▼388| -5.1%

LN thuần
2024
-36.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -134%

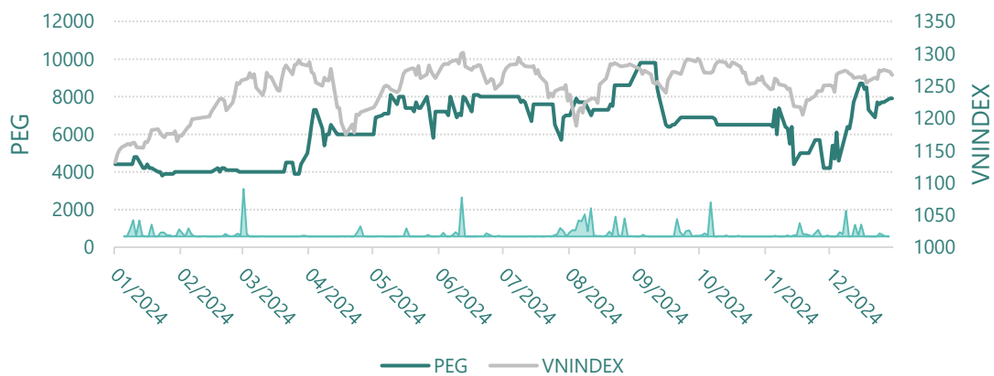
LN sau thuế
2024
-36.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.4| -6043%

Cơ cấu sở hữu

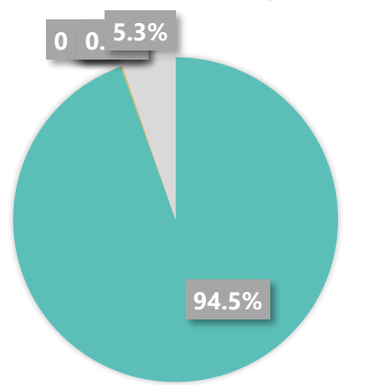


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

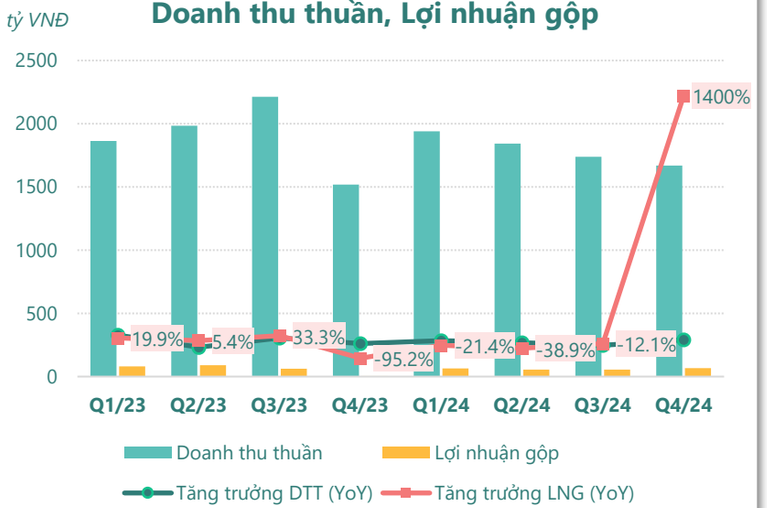




(Nguồn: fireant.vn)

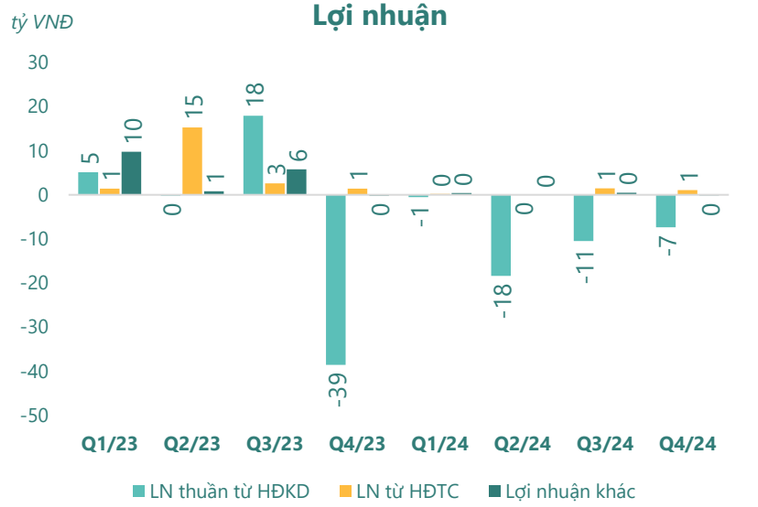
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



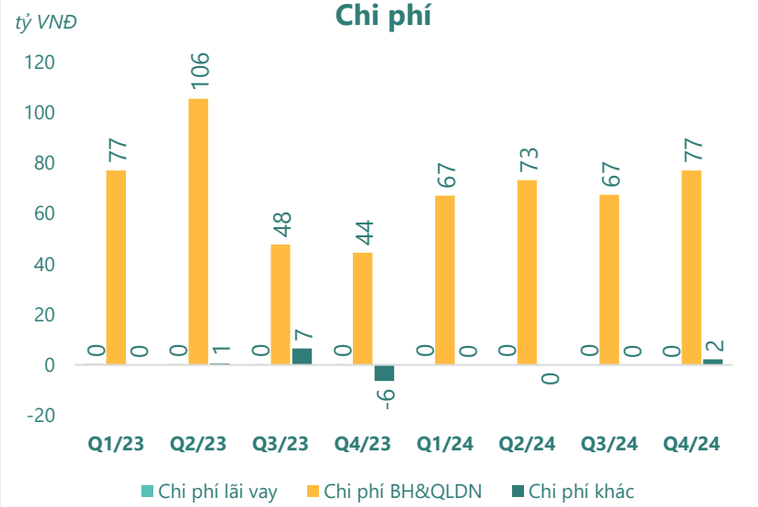
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



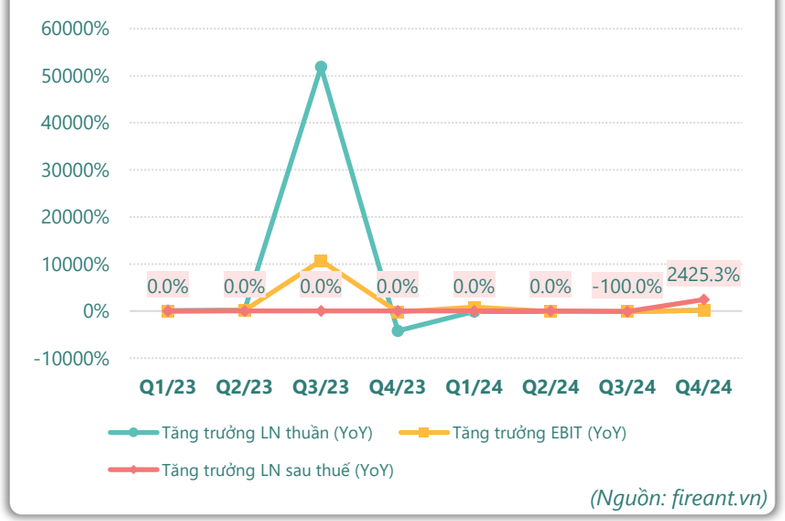
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



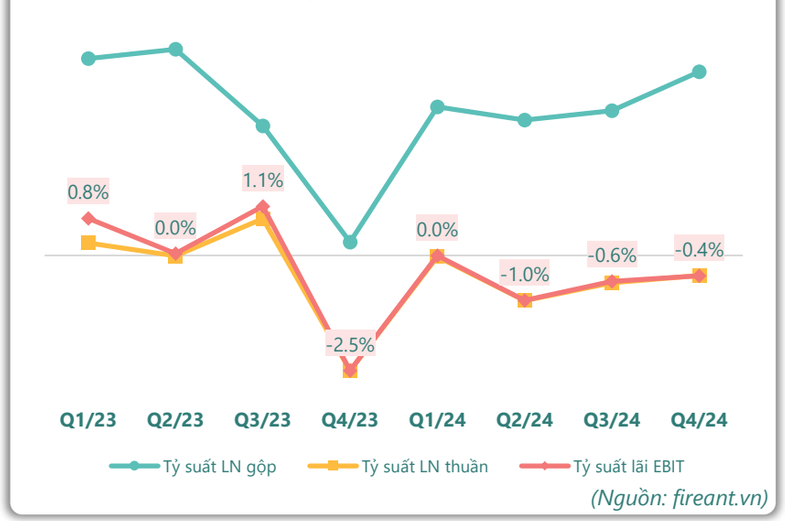
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



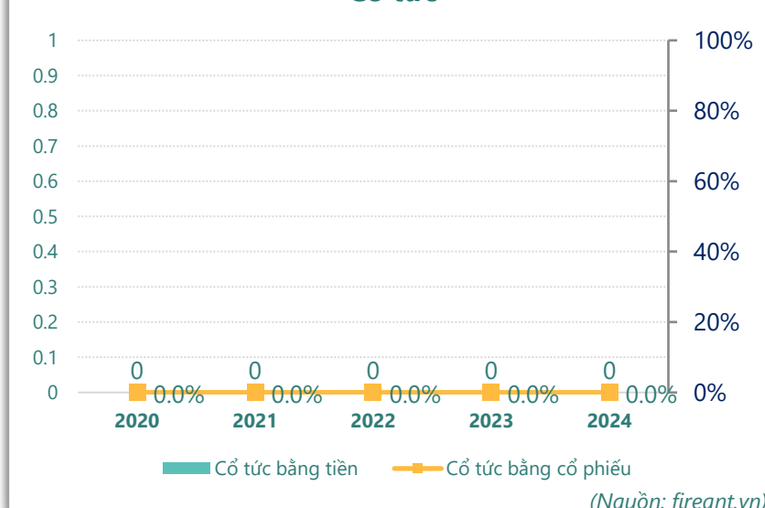
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

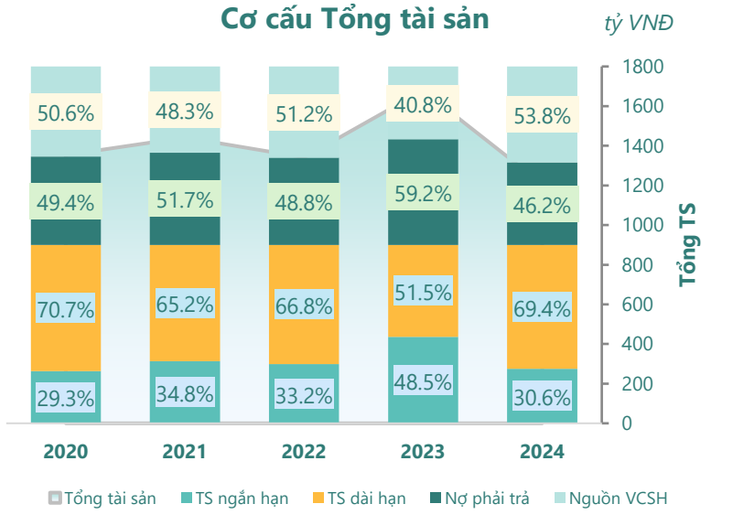
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

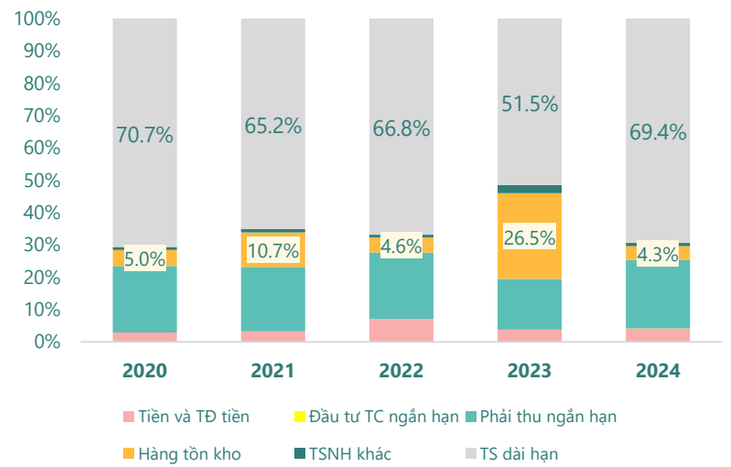
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



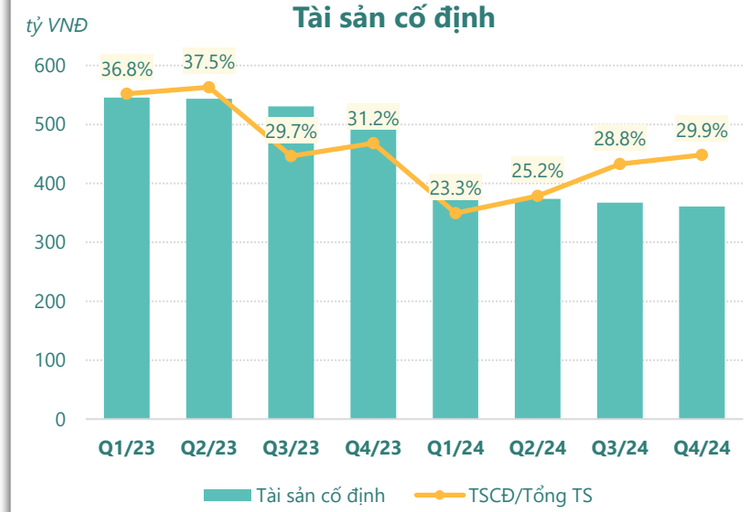
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



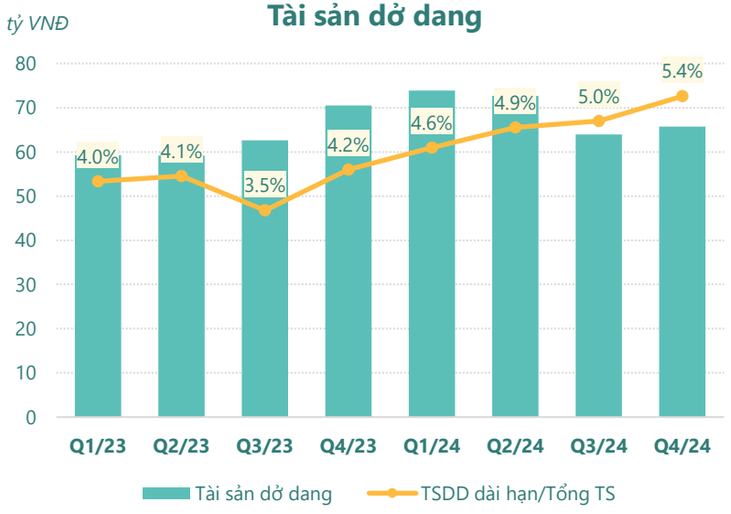
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



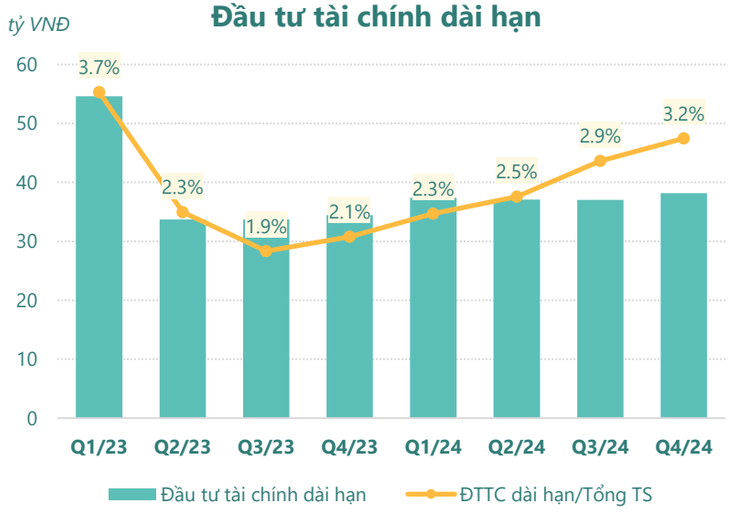
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



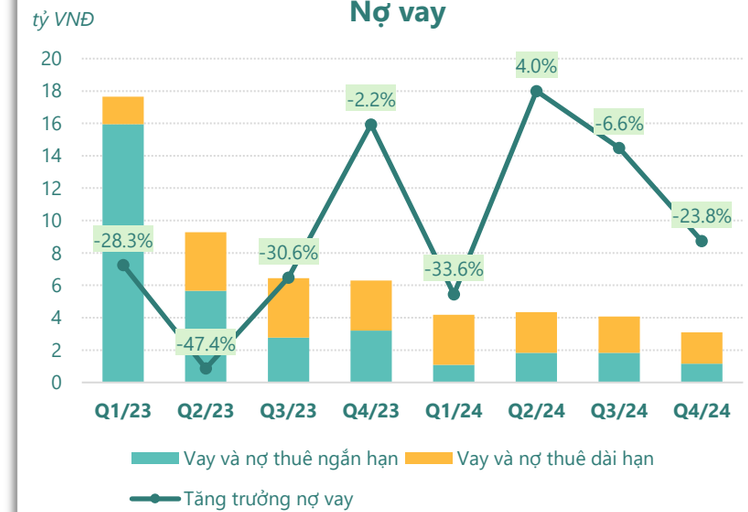
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

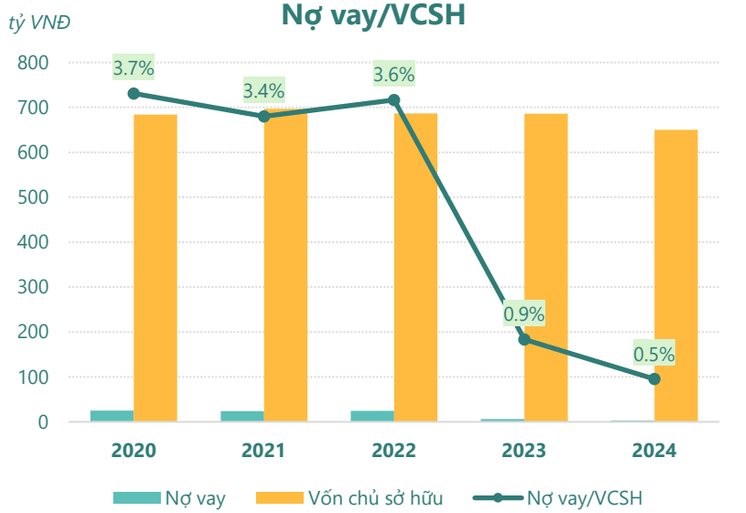
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

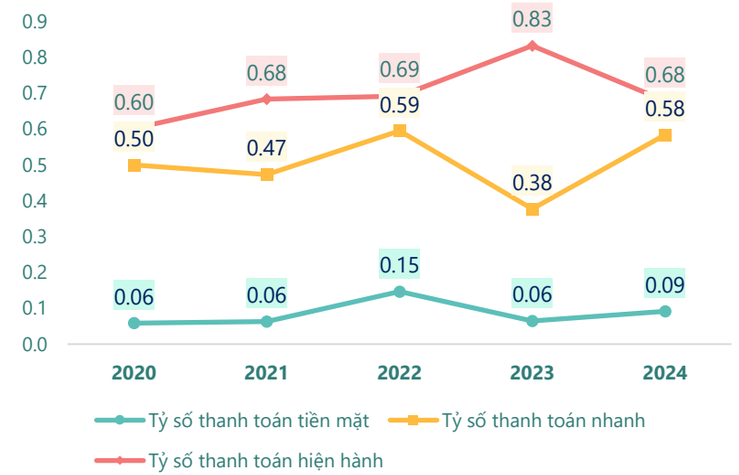
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



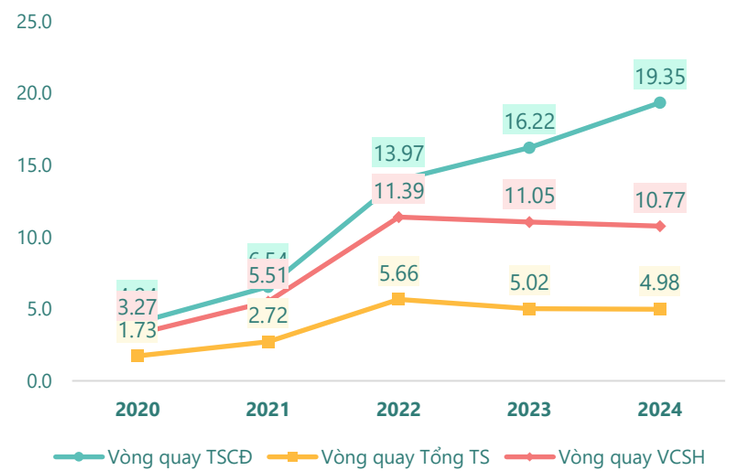
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



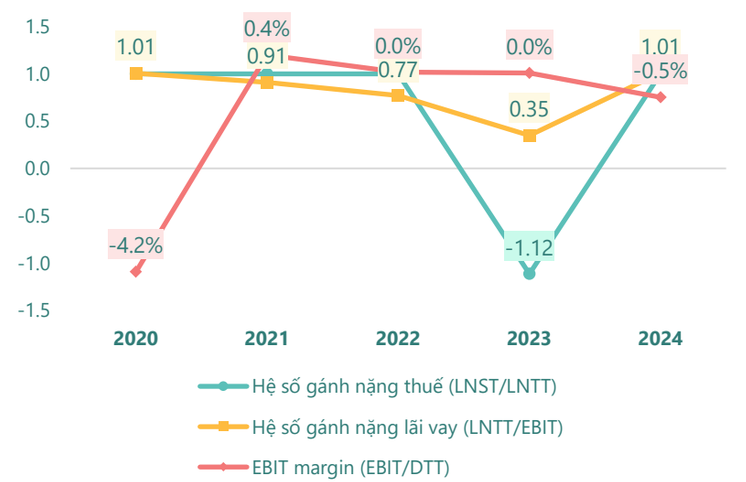
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



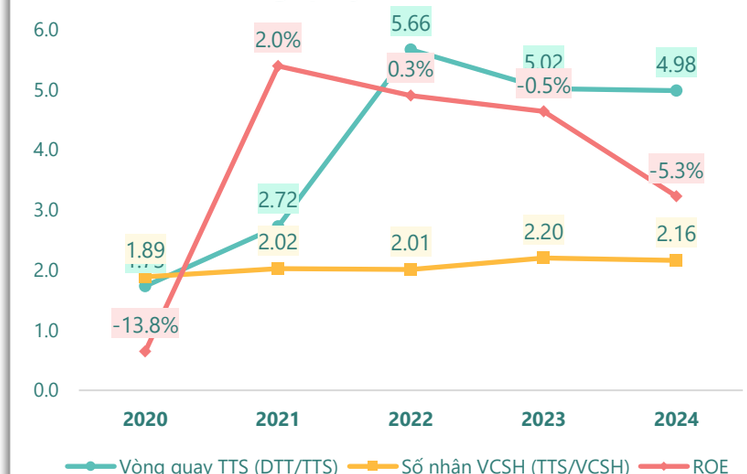
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



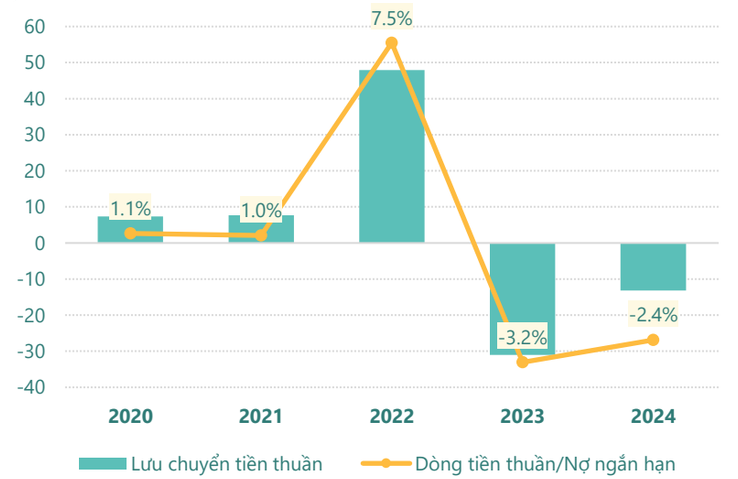
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,668**	**1,518**	**9.9%**	**7,190**	**7,578**	**-5.1%**
Giá vốn hàng bán	1,600	1,514	5.7%	6,948	7,340	-5.3%
Lợi nhuận gộp	67.6	4.51	1399%	242	239	1.3%
Doanh thu HĐTC	1.06	-1.03	203%	3.28	21.5	-84.8%
Chi phí TC	0.01	-2.46	100%	0.65	0.87	-25.5%
Chi phí lãi vay	0.07	0.21	-65.7%	0.34	0.98	-65.6%
LN trong công ty LKLD	**1.10**	**0.00**		**4.00**	**0**	
Chi phí bán hàng	56.0	24.0	133%	229	228	0.7%
Chi phí QLDN	**21.1**	**20.5**	**2.8%**	**55.7**	**47.1**	**18.2%**
LN thuần từ HĐKD	-7.35	-38.5	80.9%	-36.7	-15.7	-134%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**-0.18**	**10.3%**	**0.77**	**16.2**	**-95.3%**
LN trước thuế	-7.51	-38.7	80.6%	-35.9	0.53	-6931%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.61**	**-38.7**	**80.3%**	**-36.0**	**-0.59**	**-6043%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.94**	**-38.4**	**79.3%**	**-35.1**	**-3.74**	**-837%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.2	16.9	6.75	0.63	-1.22	-12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.9	-21.2	0.52	-5.93	1.21	0.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.84	-0.14	-2.12	0.17	-0.29	-0.97
Tiền đầu kỳ	78.9	68.7	63.2	68.4	63.2	62.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.2**	**-4.43**	**5.15**	**-5.14**	**-0.30**	**-12.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	68.7	64.2	68.4	63.2	62.9	50.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,207**	**1,679**	**-28.1%**
Tài sản ngắn hạn	369	815	-54.7%
Tiền và tương đương tiền	50.0	63.2	-20.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	1.01	-59.4%
Phải thu ngắn hạn	255	262	-2.6%
Hàng tồn kho	51.4	446	-88.5%
Tài sản ngắn hạn khác	12.2	43.1	-71.7%
Tài sản dài hạn	**838**	**864**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	2.50	2.55	-2.0%
Tài sản cố định	361	383	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.7	70.5	-6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.2	34.5	10.8%
Tài sản dài hạn khác	**371**	**374**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	557	994	-43.9%
Nợ ngắn hạn	**544**	**979**	**-44.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.16	3.20	-63.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	455	923	-50.7%
Nợ dài hạn	13.0	14.4	-9.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.94	3.10	-37.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**650**	**686**	**-5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**650**	**686**	**-5.3%**
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)